

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2022

V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang.

Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày **23 tháng 3 năm 2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **525/2021/TLST-HNGĐ** ngày **27/10/2021** về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **25/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày **28/02/2022**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm: 1976.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Số 20, đường Quảng Tiến 25, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản làm việc ngày 13/01/2022, 14/01/2021 - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm vợ con, thực tế vợ chồng đã ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đồng thời chị xin vắng mặt khi xét xử.

- Tại bản tự khai 14/11/2021, đơn xin vắng mặt ngày 14/12/2021 - Bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị T; về con chung, nợ chung, tài sản chung không có và anh xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Diệu T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1982, cư trú: Số 20, đường Quảng Tiến 25, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 3 ngày 05/11/2020** nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, chị T trình bày chị xin ly hôn với anh H vì chị nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân được một thời gian. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Từ những cơ sở trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3 - Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Nguyễn Thị Diệu T** về việc “*Ly hôn*” với **anh Nguyễn Thanh H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị Diệu T** được ly hôn với **anh Nguyễn Thanh H.**

2. Về con chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Nguyễn Thị Diệu T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000054** ngày **27/10/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. **Chị Nguyễn Thị Diệu T** đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS (03);
- Đương sự (02);
- UBND xã T, huyện N, tỉnh N (01);
- Lưu hồ sơ (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương